



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng dữ liệu an toàn này chỉ dành cho HP sử dụng với các sản phẩm HP Chính hãng. Mọi hành vi sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này đều bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý do HP thực hiện. ***
Mã định danh sản phẩm	CN951 Series
Các hình thức nhận dạng khác	
Từ Đồng Nghĩa	HP Scitex XL300 Classic Yellow Ink
Công dụng đề nghị	In phun
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, District 1, Ho Chi Minh city, Ho Chi Minh (Sai Gon), Việt Nam
Điện Thoại	+84437245550
HP Inc. health effect line	
(Toll-free within US)	1-800-457-4209
(Direct)	1-760-710-0048
HP Inc. Customer Care Line	
(Toll-free within the US)	1-800-474-6836
(Direct)	1-208-323-2551
Email:	hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Chất lỏng dễ cháy	Loại 4
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Độc tính cấp, qua miệng	Loại 5
	Độc tính cấp, qua da	Loại 5
	Độc tính cấp, qua hô hấp	Loại 4
	Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Hạng 3 Các hiệu ứng ma túy
Các hiểm họa cho môi trường	Không được phân loại.	
Các thành phần của nhãn		



Từ cảnh báo	Cảnh báo
Công bố hiểm họa	Chất lỏng có thể cháy. Có hại khi hít phải. Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây thờ thẫn hoặc chóng mặt.
Thông điệp đề phòng	
Phòng Ngừa	Sử dụng găng tay bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt. Tránh hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xít. Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông khí tốt. Để cách xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa hở/bề mặt nóng. – Không hút thuốc.
Ứng phó	KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. Gọi cho một trung tâm độc chất / bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe. Trong trường hợp cháy: Dùng Cát, carbon dioxide (CO2) or dry chemical để dập lửa.
Bảo Quản	Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín. Giữ mát. Bảo quản khóa chặt.
Thải bỏ	Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Các đường phơi nhiễm tiềm ẩn đối với sản phẩm này bao gồm tiếp xúc với da và mắt, nuốt vào và hít vào.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu**Các hỗn hợp**

Thành phần nguy hại			
Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
2-Butoxyetyl axetat		112-07-2	<70
Propylen glycol monometyl ete axetat		Độc quyền	<30
Các thành phần không nguy hiểm			
Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Chất nhuộm màu vàng		Độc quyền	<2.5

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa ra nơi không khí trong lành. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa da bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút, đồng thời cởi bỏ quần áo và giày bị nhiễm bẩn. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế. Cởi bỏ và cách ly quần áo và giày dép nhiễm hóa chất. Giặt thật sạch (hoặc vất bỏ) quần áo và giày trước khi sử dụng lại.
Tiếp xúc với mắt	Trong trường hợp có sự tiếp xúc, ngay lập tức rửa mắt bằng một lượng nước lớn, tiếp tục rửa trong 15 phút. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
Ăn phải	Nếu nuốt phải, hỏi ý kiến y bác sĩ ngay lập tức và cho họ xem dụng cụ đựng hoặc nhãn này.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Không có.
Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Điều trị triệu chứng.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	CO2, nước, hóa chất khô hoặc bột
Chất chữa cháy không phù hợp	Không sử dụng dòng nước liên tục bởi vì nó có thể chia cắt và làm lan rộng đám cháy.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Chưa được biết.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Không có.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Lính cứu hỏa phải mặc quần áo bảo hộ đầy đủ kể cả bình thở khí nén.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Bao kín liệu tràn, thấm hút bằng vật liệu thấm hút không cháy (ví dụ: cát, đất, đất diatomit, chất khoáng bón cây) và chuyển vào bình chứa để thải bỏ theo các quy định của địa phương/quốc gia (xem mục 13).
Các biện pháp để phòng cho môi trường	Không có.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn	Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Tránh hít hơi hoặc sương của sản phẩm này. Sử dụng với sự thông gió đầy đủ. Mặc các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Đóng kín các bình chứa và để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt. Để cách xa nhiệt, tia lửa và ngọn lửa.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Các Ngưỡng Giới Hạn của Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ

Thành phần	Loại	Giá trị
------------	------	---------

2-Butoxyetyl axetat (CAS 112-07-2)	TWA	20 ppm
------------------------------------	-----	--------

Các giá trị giới hạn sinh học Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm Chưa được xác định.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp Sử dụng tại khu vực thông khí tốt. Đảm bảo có sự thông gió đầy đủ, đặc biệt tại những nơi kín. Các cơ sở bảo quản hoặc sử dụng vật liệu này cần được trang bị phương tiện rửa mắt và vòi tắm an toàn. Có thể phải có hệ thống thông hơi khu vực bổ sung hoặc thoát khí tại chỗ để duy trì nồng độ không khí dưới các mức giới hạn phơi nhiễm khuyến cáo.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt Tránh tiếp xúc với mắt
Đeo kính an toàn; mặt nạ chống hóa chất (nếu có thể có bắn tóe).

Bảo vệ da

Bảo vệ tay Không có.

Khác Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để giảm thiểu sự phơi nhiễm với da và mắt.

Bảo vệ đường hô hấp Không có.

Các hiểm họa nhiệt Không có.

Các lưu ý vệ sinh chung Để xa đồ ăn thức uống. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và lúc kết thúc ngày làm việc.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan Chất lỏng.

Trạng thái vật lý Không có.

Dạng Không có.

Màu Vàng

Mùi Không có.

Ngưỡng phát hiện mùi Không có.

pH 5.8 - 6.2 Máy đo pH Mettler Toledo. Nhiệt độ 25°C

Điểm chảy/điểm đông Không có.

Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu 163 °C (325.4 °F) Được ước tính

Nhiệt Độ Bốc Cháy 66.0 °C (150.8 °F) Setaflash Closed Tester

Tốc độ bay hơi Không có.

Khả năng cháy (rắn, khí) Không có.

Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ

Giới hạn cháy - dưới (%) Không có.

Giới hạn cháy - trên (%) Không có.

Giới hạn nổ - dưới (%) Không có.

Giới hạn nổ - trên (%) Không có.

Áp suất hơi Chưa xác định được.

Tỷ khối hơi Không có.

(Các) độ tan

Tính tan (nước) Không có.

Hệ số phân tách (n-octanol/nước) Không có.

Nhiệt độ tự bốc cháy Không có.

Nhiệt độ phân hủy Không có.

Độ nhớt 10.2 - 11.2 cP Máy đo độ nhớt Brookfield ($\pm 0,5$) Nhiệt độ 22°C. Trục quay # 18 (S18) vòng/phút 100. Thời gian khoảng 10 phút để đọc kết quả.

Thông tin khác

Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi < 901 g/l

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Không có.
Độ bền hóa học	Ổn định trong các điều kiện bình thường
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh	Không có.
Các vật liệu tương kỵ	Các chất oxy hóa. Axit mạnh và chất kiềm mạnh.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Chưa được biết.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Có hại khi hít phải.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể dẫn đến kích ứng nhẹ.
Tiếp xúc với mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây nên kích ứng nhẹ.
Ăn phải	Việc nuốt vào bụng không phải là đường phơi nhiễm có thể.

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính Có hại khi hít phải. Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể có hại khi tiếp xúc với da.

Ăn mòn/kích ứng da Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Gây mẫn cảm đường hô hấp Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Gây mẫn cảm da Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Khả năng gây đột biến tế bào mầm Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Khả năng gây ung thư Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Độc tích sinh sản Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc Có thể gây thờ thẫn hoặc chóng mặt.

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Hiểm họa hít phải Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Thông tin khác Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này.

12. Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái Không có dữ liệu độc sinh thái nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy Không có.

Khả năng tích tụ sinh học Không có.

Di chuyển trong đất Không có.

Các tác dụng có hại khác Không có.

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng.
Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước.
Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh.
Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp.

Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng Không có.

Bao bì bị ô nhiễm Không có.

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc) NA1993
Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN) Combustible liquid n.o.s. (2-methoxy-1-methylethyl acetate) -Not regulated in quantities less than 119 gallons

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm Combustible
Nguy cơ phụ -
Nhóm Đóng Gói III
Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng Không có.

DOT Supplemental Information Phân loại DOT chỉ áp dụng cho việc vận chuyển bên trong Hoa Kỳ và Puerto Rico.

IATA

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

IMDG

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

ADR

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia

Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT

Không được quy định.

Việt Nam. Các hóa chất phải khai báo (Nghị định số 108/2008/ND-CP, phụ lục 5, ngày 7/10/2008, sửa đổi qua Nghị Định số 26/2011/ND-CP, 8/4/2011)

Không được quy định.

Việt Nam. Hóa Chất Độc Cần Sử Dụng Phiếu Kiểm Soát Mua Bán (Nghị định số 26/2011/ND-CP, Phụ Lục 6, ngày 8/4/2011)

Không được quy định.

Việt Nam. CWC (Nghị định số 100/2005/ND-CP, Thực hiện Công Ước Về Vũ Khí Hóa Học, Phụ Lục 1, Bảng 1-3, ngày 3/8/2005)

Không được quy định.

Việt Nam. Các Chất Ma Túy & Tiền Chất (Nghị Định 67/2001/ND-CP, Danh Sách IV, sửa đổi qua Nghị Định số 17/2011/ND-CP, 22/2/2011)

Không được quy định.

Các quy định quốc tế

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Hiệp Ước Stockholm

Không áp dụng.

Hiệp Ước Rotterdam

Không áp dụng.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng.

Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

Hiệp Ước Basel

Không áp dụng.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành 22-Tháng-Mười-2016
Ngày sửa đổi 13-Tháng-Mười-Hai-2019
Phiên bản số 03

Khước Từ Trách Nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

Bảng dữ liệu an toàn này có mục đích truyền tải thông tin về mực in HP (mực bột toner) có trong vật tư mực in gốc HP (mực bột toner). Nếu Bảng dữ liệu an toàn của chúng tôi được cung cấp cho bạn cùng với vật tư được nạp lại, sản xuất lại, tương thích hoặc không phải chính gốc HP, vui lòng lưu ý rằng thông tin trong tài liệu này không có ý nghĩa truyền tải thông tin về những sản phẩm như vậy và có thể có sự khác biệt đáng kể với thông tin trong tài liệu này và thông tin an toàn cho sản phẩm bạn đã mua. Vui lòng liên hệ với người bán vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích để biết thông tin tương ứng, bao gồm thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân, các rủi ro phơi nhiễm và hướng dẫn xử lý an toàn. HP không chấp nhận vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích trong các chương trình tái chế của chúng tôi.

Thông tin về sửa đổi

Nhận dạng: Thông tin quan trọng
Nhận diện các hiểm họa: Phòng Ngừa
Nhận diện các hiểm họa: Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại
Thành phần cấu tạo / thông tin về các thành phần: Các Thành Phần
Thành phần/ thông tin về các phụ liệu: Nhận xét cấu tạo
Tính Chất Lý & Hóa: Đa Tính Chất
Độ bền và khả năng phản ứng: Các vật liệu tương kỵ
Dữ Liệu Quy Định Về Hiểm Họa: Châu Âu - EU

Explanation of abbreviations

Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
CAS	Chemical Abstracts Service
Đạo Luật Tổng Quát về Đồi Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường (CERCLA)	Đạo luật về Đền bù và Trách nhiệm Phản ứng với Môi trường Toàn diện
CFR	Bộ luật các quy định của liên bang
COC	Cốc Hồ Cleveland
Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)	Department of Transportation
EPCRA	Emergency Planning and Community Right-to-Know Act (aka SARA)
Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC)	International Agency for Research on Cancer
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia
Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP)	National Toxicology Program
Cơ Quan Quản Lý Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp (OSHA)	Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép.
RCRA	Resource Conservation and Recovery Act
REC	Recommended
REL	Recommended Exposure Limit
SARA	Superfund Amendments and Reauthorization Act of 1986
STEL	Short-Term Exposure Limit
Thủ tục xác định độc tính nước rác(TCLP)	Quy trình lọc tính chất độc tính
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Toxic Substances Control Act
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi